

18/3

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
**VĂN BẢN ĐẾN**  
Ngày: 16 -03- 2017  
Số: ...-5211



lg(A)

17 -03- 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO  
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO  
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG**

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Triệu Hùng	Chủ tịch (trước ngày 01/10/2016)
Ông Nguyễn Xuân Phát	Chủ tịch (từ ngày 01/10/2016)
Ông Nguyễn Xuân Phát	Thành viên (trước ngày 01/10/2016)
Ông Đỗ Văn Thuận	Thành viên
Bà Bùi Thị Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sáng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO  
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Đỗ Văn Thuận**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2017*

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Tôi, Nguyễn Xuân Phát - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến 31/12/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



**Nguyễn Xuân Phát**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
*Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2017*

Số: 31/2017/KT-AV3-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10/3/2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.6 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó mô tả việc tài sản thuộc sở hữu của Công ty sau cổ phần hóa nhưng dùng cho hoạt động sự nghiệp (dịch vụ sử dụng phà tại bến Đình Vũ và bến Gót) không trích khấu hao vào chi phí trong kỳ. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Số liệu tại ngày 05/01/2016 có thể sẽ thay đổi sau khi có biên bản bàn giao tài sản, vốn từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Vũ Hoài Nam

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1436-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017*

Lại Thị Hằng

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2612-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016		05/01/2016	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.627.184.485</b>		<b>18.585.593.946</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.275.916.822</b>		<b>1.817.647.956</b>	
1. Tiền	111	5	6.275.916.822		1.817.647.956	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.356.475.741</b>		<b>15.746.276.669</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13.533.814.321		14.188.869.869	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.000.000		350.000.000	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	716.953.310		1.207.406.800	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(947.291.890)		-	
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.593.800.845</b>		<b>494.745.881</b>	
1. Hàng tồn kho	141	11	4.593.800.845		494.745.881	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.400.991.077</b>		<b>526.923.440</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	91.089.128		103.857.480	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		232.869.562		406.656.198	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.1	1.077.032.387		16.409.762	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.666.477.429</b>		<b>24.949.955.286</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.950.585.226</b>		<b>24.017.994.218</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	19.950.585.226		19.984.185.218	
- Nguyên giá	222		54.059.385.127		53.231.307.623	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.108.799.901)		(33.247.122.405)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		-		4.033.809.000	
- Nguyên giá	228		-		4.033.809.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-		-	
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>5.216.423.535</b>		<b>-</b>	
- Nguyên giá	231		5.317.049.677		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(100.626.142)		-	
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>499.468.668</b>		<b>800.000.000</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.1	800.000.000		800.000.000	
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.2	(300.531.332)		-	
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>		<b>131.961.068</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	-		131.961.068	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>51.293.661.914</b>		<b>43.535.549.232</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	05/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.159.623.777</b>	<b>9.115.810.610</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.159.623.777</b>	<b>9.115.810.610</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.580.138.355	3.243.387.572
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.2	183.592.998	948.070.069
3. Phải trả người lao động	314		3.831.942.399	1.201.461.307
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	63.462.469
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	45.818.184	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.354.612.817	1.706.936.340
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.163.519.024	1.952.492.853
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.134.038.137</b>	<b>34.419.738.622</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>36.550.872.067</b>	<b>36.000.000.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	550.872.067	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		550.872.067	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.583.166.070</b>	<b>(1.580.261.378)</b>
1. Nguồn kinh phí	431	20	1.583.166.070	(1.580.261.378)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>51.293.661.914</b>	<b>43.535.549.232</b>

Người lập biểu

Vũ Mạnh Trung

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ninh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2017  
Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Thuận



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Mẫu số B02 - DN  
Đơn vị tính: VND  
Từ 05/01/2016  
đến 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	22.320.876.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.320.876.746
4. Giá vốn hàng bán	11	23	17.142.690.063
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.178.186.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	27.729.507
7. Chi phí tài chính	22	25	300.531.332
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	4.122.206.365
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		783.178.493
11. Thu nhập khác	31	27	17.933.942
12. Chi phí khác	32	28	91.808.807
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(73.874.865)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		709.303.628
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	158.431.561
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		550.872.067
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	153

Người lập biểu

Vũ Mạnh Trung

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ninh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thuận

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến 31/12/2016

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND  
Từ 05/01/2016  
đến 31/12/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		709.303.628
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	962.303.638
- Các khoản dự phòng	03	6.2, 9	1.247.823.222
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(27.729.507)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.891.700.981
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		555.673.049
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.099.054.964)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.805.157.336
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		144.729.420
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(130.801.901)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.321.717.460
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.947.263.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.541.857.540
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	13	(2.111.318.181)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	27.729.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.083.588.674)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.458.268.866
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.817.647.956
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	5	6.275.916.822

Người lập biểu

Vũ Mạnh Trung

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ninh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2017  
Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thuận

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng, trụ sở đặt tại số 225 Tân Hà, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Hải Phòng, được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200149102 ngày 05/01/2016 và thay đổi lần thứ tư ngày 12/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 36.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ.**

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Quản lý luồng, hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa. Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình cầu vượt sông và các công trình đường thủy nội địa. Bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, quản lý biển báo hiệu giao thông đường thủy. Quản lý, khai thác, đảm bảo giao thông cầu phao, bến phà;
- Hoạt động cứu hộ đường sông. Nạo vét luồng lạch, thanh thải chướng ngại vật;
- Lắp đặt, quản lý cầu phao, phao tiêu báo hiệu;
- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình giao thông đường thủy: âu, kè. Xây dựng và cải tạo các công trình điện hạ thế, điện dân dụng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường thủy, kho bãi;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng;
- Sản xuất phao tiêu báo hiệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn xi măng;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn sơn, vecni;
- Bán buôn hàng kim khí;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu thủy, phà, xà lan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Cấu trúc của Công ty:**

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
<b>A Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)</b>		
1 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 9/11, Đường số 33, Khu phố 3, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	Chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 83270/16 ngày 12/12/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:**

Từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần, do vậy, số liệu bảng cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan tại ngày 31/12/2016 có thể so sánh được, số liệu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 không có kỳ tương ứng nên không có số liệu so sánh.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên của công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào công ty liên kết:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường (chiếm 40% vốn điều lệ, tương ứng 800.000.000 VND) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, phí, lệ phí...

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính năm 2015 của bên nhận đầu tư chưa được kiểm toán.

**4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: ký cược, ký quỹ và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi các khoản công nợ. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng Ban Giám đốc xác định có thể thu hồi dần được thì Công ty không trích lập dự phòng. Ban Giám đốc cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện tại, tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, mặc dù chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện các dịch vụ về điều tiết giao thông đường thủy, đến thời điểm 31/12/2016, các dịch vụ này đã hoàn thành nhưng chưa được chủ đầu tư nghiệm thu và xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

Tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

**4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng giá trị còn lại chia (:) cho thời gian hữu dụng còn lại, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Năm 2016</b> <b>(số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 25

Tài sản thuộc sở hữu của Công ty sau cổ phần hóa nhưng dùng cho hoạt động sự nghiệp (dịch vụ sử dụng phà tại bến Đình Vũ và bến Gót) không trích khấu hao vào chi phí trong kỳ vì hoạt động này được phê duyệt thu chi từ nguồn ngân sách nhà nước. Sở Giao thông vận tải Hải Phòng thực hiện sửa chữa các tài sản này. Tổng giá trị hao mòn trong kỳ của các tài sản này là 3.337.209.083 VND.

Công ty theo dõi các tài sản công ích là tài sản nhận giữ hộ trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán và không tính hao mòn các tài sản này.

**4.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và nhà nghỉ tại Khu 4, Thị trấn Cát Bà, Huyện Cát Hải, Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao, nhà nghỉ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 12 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm: thuế giá trị gia tăng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng.

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa đủ điều kiện khấu trừ theo các quy định hiện hành về khấu trừ thuế giá trị gia tăng nhưng Công ty dự tính sẽ được khấu trừ trong tương lai.
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; phải trả về cổ phần hóa và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.10 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê điểm bán hàng tại bến phà, được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

**4.12 Doanh thu và thu nhập khác**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động** được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Doanh thu hoạt động tài chính** là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.13 Giá vốn**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và chi phí nghiệp vụ cho thuê tài sản hoạt động trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

**4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là dự phòng tổn thất khoản đầu tư được trích lập theo quy định như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

**4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

**4.16 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4.17 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.18 Bên liên quan**

Công ty góp 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, công ty này được coi là bên liên quan (công ty liên kết) của Công ty.

Các cá nhân trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6 và 34.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2016</b>	<b>05/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	203.786.282	12.266.512
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.072.130.540	1.805.381.444
<b>Cộng</b>	<b>6.275.916.822</b>	<b>1.817.647.956</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

6.1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2016			05/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý

Đầu tư vào công ty liên kết	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	(32.666.946)	767.333.054
-----------------------------	-------------	---	-------------	-------------	--------------	-------------

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường	40	40	40	2.000.000.000	800.000.000	-	800.000.000
<b>Cộng</b>				<b>2.000.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>800.000.000</b>

**6.2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016</b>
	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	-
Trích lập dự phòng	(300.531.332)
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(300.531.332)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016 VND	05/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.533.814.321</b>	<b>14.188.869.869</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	10.721.787.833	10.343.314.800
Sở Giao thông vận tải Thành phố Hải Phòng	5.691.678.996	4.718.878.193
Công ty Cổ phần Đầu tư Pacific	-	1.376.527.180
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	193.861.813	1.404.127.500
Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 8	1.156.251.000	-
Đoạn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam	2.040.614.000	2.040.614.000
Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Bắc	1.639.382.024	803.167.927
Các khoản phải thu của khách hàng khác	2.812.026.488	3.845.555.069

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016 VND		05/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>716.953.310</b>	-	<b>1.207.406.800</b>	-
Ký cược, ký quỹ	707.341.800	-	1.207.406.800	-
Phải thu khác	9.611.510	-	-	-

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Trích lập dự phòng	(947.291.890)
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(947.291.890)</b>
<i>Trong đó:</i>	
- Phải thu của khách hàng	(947.291.890)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**10. NỢ XẤU**

	31/12/2016	
	VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>4.378.200.260</b>	<b>3.430.908.370</b>
Đoạn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam	2.040.614.000	1.691.669.006
<i>Thời gian quá hạn: trên 03 năm</i>		
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>2.040.614.000</i>	<i>1.691.669.006</i>
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	562.283.000	466.132.436
<i>Thời gian quá hạn: trên 01 năm, dưới 02 năm</i>		
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>562.283.000</i>	<i>466.132.436</i>
Công ty CP Cầu 11 Thăng Long	526.539.260	481.520.153
<i>Thời gian quá hạn: trên 03 năm</i>		
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>526.539.260</i>	<i>481.520.153</i>
Công ty CP Xây dựng VINASHIN	413.320.000	-
<i>Thời gian quá hạn: trên 03 năm</i>		
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	<i>413.320.000</i>	<i>-</i>
Các đối tượng khác	835.444.000	791.586.775
<i>Thời gian quá hạn: trên 06 tháng, dưới 01 năm</i>	<i>200.000.000</i>	<i>165.800.000</i>
<i>Thời gian quá hạn: trên 01 năm, dưới 02 năm</i>	<i>397.934.000</i>	<i>392.996.375</i>
<i>Thời gian quá hạn: trên 03 năm</i>	<i>237.510.000</i>	<i>232.790.400</i>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		05/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	613.670.320	-	494.745.881	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	829.221.434	-	-	-
Hàng hoá	3.150.909.091	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.593.800.845</b>	<b>-</b>	<b>494.745.881</b>	<b>-</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	05/01/2016
	VND	VND
<b>12.1 Ngắn hạn</b>	<b>91.089.128</b>	<b>103.857.480</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	59.510.047	85.386.355
Thuế giá trị gia tăng chưa đủ điều kiện khấu trừ	31.579.081	18.471.125
<b>12.2 Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>131.961.068</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng sau khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	14.395.008
Công cụ, dụng cụ đánh giá lại	-	117.566.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 05/01/2016	10.715.227.319	213.584.672	42.302.495.632	53.231.307.623
Tăng trong kỳ	-	-	2.111.318.181	2.111.318.181
Mua sắm	-	-	2.111.318.181	2.111.318.181
Giảm trong kỳ	1.283.240.677	-	-	1.283.240.677
Chuyển sang BĐS đầu tư	1.283.240.677	-	-	1.283.240.677
Tại ngày 31/12/2016	9.431.986.642	213.584.672	44.413.813.813	54.059.385.127
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 05/01/2016	3.997.675.512	116.020.840	29.133.426.053	33.247.122.405
Tăng trong kỳ	517.200.769	11.376.648	433.726.221	962.303.638
Khấu hao trong kỳ	517.200.769	11.376.648	433.726.221	962.303.638
Giảm trong kỳ	100.626.142	-	-	100.626.142
Chuyển sang BĐS đầu tư	100.626.142	-	-	100.626.142
Tại 31/12/2016	4.414.250.139	127.397.488	29.567.152.274	34.108.799.901
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 05/01/2016	6.717.551.807	97.563.832	13.169.069.579	19.984.185.218
Số dư tại 31/12/2016	5.017.736.503	86.187.184	14.846.661.539	19.950.585.226

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ</b>				
Nguyên giá	-	5.317.049.677	-	5.317.049.677
Quyền sử dụng đất	-	4.033.809.000	-	4.033.809.000
Nhà	-	1.283.240.677	-	1.283.240.677
Giá trị hao mòn lũy kế	-	100.626.142	-	100.626.142
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	100.626.142	-	100.626.142
Giá trị còn lại	-			5.216.423.535
Quyền sử dụng đất	-			4.033.809.000
Nhà	-			1.182.614.535

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2016</b>	<b>05/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.580.138.355</b>	<b>3.243.387.572</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.556.801.572	3.155.154.572
<i>Công ty CP Quản lý đường sông số 8</i>	1.474.086.530	757.980.330
<i>Công ty TNHH Minh Khang</i>	-	1.335.231.402
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ Quốc Khánh</i>	-	355.500.000
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực III</i>	838.276.542	-
<i>Khu quản lý đường thủy nội địa</i>	560.000.000	706.442.840
<i>Công ty CP Đầu tư Pacific</i>	684.438.500	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.023.336.783	88.233.000

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	790.421.473	880.078.930	2.731.428.572	(1.060.928.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	155.963.338	158.431.561	130.801.901	183.592.998
Thuế thu nhập cá nhân	(16.409.762)	14.609.126	14.303.582	(16.104.218)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	168.968.000	168.968.000	-
Các loại thuế khác	-	4.683.000	4.683.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.685.258	-	1.685.258	-
<b>Cộng</b>	<b>931.660.307</b>	<b>1.226.770.617</b>	<b>3.051.870.313</b>	<b>(893.439.389)</b>
<i>Trong đó:</i>				
16.1 Phải thu	16.409.762			1.077.032.387
16.2 Phải nộp	948.070.069			183.592.998

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>31/12/2016</b>	<b>05/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.818.184</b>	<b>-</b>
Doanh thu nhận trước về cho thuê điểm bán hàng	45.818.184	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2016</b>	<b>05/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.354.612.817</b>	<b>1.706.936.340</b>
Kinh phí công đoàn	106.859.892	9.639.485
Bảo hiểm xã hội	467.633.296	49.057.742
Bảo hiểm y tế	81.106.635	-
Bảo hiểm thất nghiệp	35.971.723	-
Phải trả về cổ phần hóa	594.110.783	594.110.783
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.930.488	1.054.128.330
<i>Phải trả về nhà nước theo biên bản kiểm toán</i>	-	956.267.640
<i>Phải trả khác</i>	68.930.488	97.860.690

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	550.872.067	550.872.067
Số dư cuối kỳ	36.000.000.000	550.872.067	36.550.872.067

**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	<b>31/12/2016</b>		<b>05/01/2016</b>	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của Nhà nước	23.400.000.000	23.400.000.000	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>

**CỔ PHIẾU**

**31/12/2016**

**05/01/2016**

**Cổ phiếu**

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.600.000</i>	<i>3.600.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**20. NGUỒN KINH PHÍ**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	(1.580.261.378)
Thu từ vé phà và ngân sách cấp	38.498.504.000
Chi sự nghiệp	(35.174.172.711)
Nộp lại Nhà nước	(160.903.841)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>1.583.166.070</b>

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<u>Tài sản nhận giữ hộ</u>	31/12/2016		Đơn vị tính: VND 05/01/2016	
	Nguyên giá	HMLK	Nguyên giá	HMLK
Nhà điều tiết (SH2 nhà nổi)	279.429.000	279.429.000	279.429.000	279.429.000
Nhà quản lý, khách đợi Đình Vũ, Gót...	5.362.687.000	1.301.121.924	5.362.687.000	1.301.121.924
Ấu tránh bão bên Đình Vũ	5.047.298.000	1.689.095.767	5.047.298.000	1.689.095.767
Cột báo hiệu sông Thái	34.027.000	34.027.000	34.027.000	34.027.000
Phao neo D2,4m (số 1)	157.963.000	157.963.000	157.963.000	157.963.000
Phao neo D2,4m (số 2)	157.963.000	157.963.000	157.963.000	157.963.000
Phao neo D2,4m (số 3)	157.963.000	157.963.000	157.963.000	157.963.000
Phao neo D2,4m (số 4)	157.963.000	157.963.000	157.963.000	157.963.000
Nhà trạm quản lý sông Thái	167.966.866	167.966.866	167.966.866	167.966.866
Vé cầu phao sông Hóa	53.250.494	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.576.510.360</b>	<b>4.103.492.557</b>	<b>11.523.259.866</b>	<b>4.103.492.557</b>

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông	22.184.513.110
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	136.363.636
<b>Cộng</b>	<b>22.320.876.746</b>



200  
C  
H  
K  
A  
34

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông	17.060.238.687
Giá vốn cho thuê tài sản hoạt động	82.451.376
<b>Cộng</b>	<b><u>17.142.690.063</u></b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi	27.729.507
<b>Cộng</b>	<b><u>27.729.507</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	300.531.332
<b>Cộng</b>	<b><u>300.531.332</u></b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	947.291.890
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.174.914.475
<b>Cộng</b>	<b><u>4.122.206.365</u></b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Phế liệu thu hồi	13.839.090
Các khoản khác	4.094.852
<b>Cộng</b>	<b><u>17.933.942</u></b>

31  
ÔN  
NH  
VN  
V  
TRU

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế	22.854.179
Thuế GTGT không được khấu trừ	60.470.183
Các khoản khác	8.484.445
<b>Cộng</b>	<b>91.808.807</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.824.613.018
Chi phí nhân công	12.674.794.362
Chi phí khấu hao	962.303.638
Chi phí dự phòng	947.291.890
Chi phí khác	5.685.114.954
<b>Cộng</b>	<b>22.094.117.862</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	<b>709.303.628</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</b>	<b>82.854.179</b>
Phạt vi phạm hành chính về thuế	22.854.179
Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	60.000.000
<b>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)</b>	<b>792.157.807</b>
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)</b>	<b>158.431.561</b>

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	550.872.067
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)</b>	<b>550.872.067</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3=1/2)</b>	<b>153</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kỳ kế toán tại ngày 31/12/2016 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2016 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 05/01/2016 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	6.275.916.822	1.817.647.956
Phải thu của khách hàng	12.586.522.431	14.188.869.869
Phải thu khác	707.341.800	1.207.406.800
<b>Cộng</b>	<b>19.569.781.053</b>	<b>17.213.924.625</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	4.580.138.355	3.243.387.572
Chi phí phải trả	-	63.462.469
Phải trả khác	663.041.271	1.648.239.113
<b>Cộng</b>	<b>5.243.179.626</b>	<b>4.955.089.154</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ:* Công ty không chịu rủi ro tiền tệ vì không có giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ.
- *Rủi ro lãi suất:* Công ty không chịu rủi ro lãi suất vì không có các khoản vay và nợ phải chịu lãi.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính quá hạn</b>	
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	200.000.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	960.217.000
Quá hạn từ 03 năm trở lên	3.217.983.260
<b>Cộng</b>	<b><u>4.378.200.260</u></b>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản công nợ. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng Ban Giám đốc xác định có thể thu hồi dần được thì Công ty không trích lập dự phòng. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• **Rủi ro thanh khoản**

Công ty không gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Đến 1 năm VND</u>	<u>Trên 1 năm VND</u>
<b>Tại 31/12/2016</b>		
Phải trả người bán	4.580.138.355	-
Phải trả khác	663.041.271	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.243.179.626</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Tại 05/01/2016</b>		
Phải trả người bán	3.243.387.572	-
Chi phí phải trả	63.462.469	-
Phải trả khác	1.648.239.113	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.955.089.154</u></b>	<b><u>-</u></b>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**34. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

	<u>Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND</u>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	993.119.939

**35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 bộ phận hoạt động: bộ phận duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông, bộ phận cho thuê tài sản hoạt động. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2016**

	<u>Duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông</u>	<u>Cho thuê tài sản hoạt động</u>	<u>Cộng</u>
			Đơn vị tính: VND
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	46.077.238.379	5.216.423.535	51.293.661.914
Tài sản không phân bổ			-
<b>Cộng</b>			<b><u>51.293.661.914</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	13.159.623.777	-	13.159.623.777
Nợ phải trả không phân bổ			-
<b>Cộng</b>			<b><u>13.159.623.777</u></b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016**

Đơn vị tính: VND

	<b>Duy tu, bảo trì đảm bảo giao thông đường thủy nội địa và điều tiết các công trình vượt sông</b>	<b>Cho thuê tài sản hoạt động</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần	22.184.513.110	136.363.636	22.320.876.746
Giá vốn hàng bán	17.060.238.687	82.451.376	17.142.690.063
Chi phí không phân bổ			4.122.206.365
Doanh thu hoạt động tài chính			27.729.507
Chi phí tài chính			300.531.332
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			783.178.493
Lãi (lỗ) khác			(73.874.865)
Lợi nhuận trước thuế			709.303.628
Chi phí thuế TNDN			158.431.561
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b><u>550.872.067</u></b>

*Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.*

**BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là bảng cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan tại ngày 04/01/2016 của báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng.

Kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ hoạt động đầu tiên của công ty cổ phần nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan cho kỳ kế toán này không có số liệu so sánh.

**Người lập biểu**

**Vũ Mạnh Trung**

**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Ninh**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2017

**Tổng Giám đốc**



**Đỗ Văn Thuận**